

Bản án số 90/2021/HS-ST

Ngày 28-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá V

Ông Trần Mai Kh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Q - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim H - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 07/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Moong Thị B; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 08/3/1994 tại S, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản Đình Sơn 2, xã H, huyện S, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Khơ Mú; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 0/12; con ông Moong Văn L, sinh năm 1962 và bà Cụt Thị Ch, sinh năm 1965; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 3; chung sống như vợ chồng với Vi Văn T, sinh năm 1992 và có 01 con. Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/12/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trẻ em” tại bản án hình sự sơ thẩm số 144/2017/HSST (phạm tội tháng 8/2013); Ngày 16/7/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán người” (phạm tội tháng 3/2015) tại bản án số 86/2020/HS-ST. Tổng hợp hình phạt chung cả hai bản án là 08 năm tù.

Bị cáo hiện đang là bị án chấp hành án tại trại cải tạo số 6 - Bộ Công an, được trích xuất về trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 02/3/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Moong Thị B: Ông Nguyễn Văn H – Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3 – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Lương Thị N , sinh năm 1990; địa chỉ: Bản Pà Ca, xã V, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Phò H , sinh năm 1957; địa chỉ: Bản Pà Ca, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010 (không nhớ ngày tháng), Moong Thị B vượt biên sang Trung Quốc sinh sống và lấy chồng người Trung Quốc. Năm 2011, B trốn khỏi gia đình nhà chồng và gặp Lữ Thị Th, sinh năm 1993, trú tại Bản Pa Tý, xã G, huyện D, tỉnh Nghệ An cũng sang Trung Quốc lấy chồng người Trung Quốc. Th đưa B về nhà chồng ở nhờ khoảng 01 năm. Sau đó, B và Th thống nhất nếu ai về Việt Nam thì tìm người đưa sang Trung Quốc bán để kiếm tiền chia nhau.

Năm 2012 (không nhớ ngày tháng cụ thể), B về Việt Nam và gặp chị Lương Thị N, B lừa rủ chị N sang Trung Quốc trồng ngô, mỗi tháng được 10.000.000 đồng. Thấy gia đình mình đang khó khăn nên chị N đồng ý. B đưa trước cho bố của chị N là ông Lương Phò H số tiền 5.000.000 đồng. Vài ngày sau, B bắt xe khách đưa chị N ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh rồi vượt biên bằng đường sông sang Trung Quốc, đến nhà của Th ở. Khoảng 10 ngày sau, Th và bố mẹ chồng của Th bán chị N cho người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ với giá 06 vạn NDT, tương đương 180.000.000 đồng, B được chia 1,3 vạn NDT. Nhận tiền xong B về Việt Nam và đổi 1,3 vạn NDT được 40.000.000 đồng. Sau đó, B đến nhà chị N, đưa tiếp cho ông Lương Phò H 25.000.000 đồng, B hưởng lợi 10.000.000 đồng. Số tiền đó, B đã tiêu xài cá nhân hết.

Đầu năm 2021, chị Lương Thị N xin gia đình chồng ở Trung Quốc về Việt Nam thăm gia đình. Ngày 26/01/2021, chị N gửi đơn tố cáo hành vi phạm tội của Moong Thị B và Lữ Thị Th đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Về dân sự: Chị Lương Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Bị cáo Moong Thị B chưa bồi thường cho chị N.

Bản cáo trạng số 41/CT/VKS-P2 ngày 28/2/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Moong Thị B về tội: “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung mà Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt Moong Thị B từ 6 (sáu) năm tù đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán người”. Tổng hợp hình phạt 8 năm tù tại bản án số 86/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm đến 14 (mười bốn) năm 6 (sáu) tháng tù; Truy thu số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền thu lợi từ việc bán chị N của Moong Thị B; Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lương Thị N yêu cầu bồi thường 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), yêu cầu chung chung, hồ sơ vụ án phản ánh chỉ có 01 lời khai duy nhất của chị N, tại phiên tòa chị N vắng mặt, bị cáo B không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của bị hại, trong vụ án còn có bị can Lữ Thị Th bỏ trốn đang bị truy nã. Cần tách để giải quyết bằng vụ án dân sự độc lập.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, để xử phạt bị cáo bằng mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã đề nghị.

Bị cáo nhất trí như lời bào chữa của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Lương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lương Phò H vắng mặt tại phiên tòa. Theo kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An hiện chị N không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không ai biết. Ông H đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Chứng cứ buộc tội, tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Moong Thị B khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ

đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng cuối năm 2012, B từ Trung Quốc về Việt Nam và gặp chị Lương Thị N, lừa rủ chị N sang Trung Quốc trồng ngô, mỗi tháng được trả 10.000.000 đồng. Sau đó, B đưa chị N sang Trung Quốc và giao cho Lữ Thị Th bán chị N cho người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ với giá 06 (sáu) vạn NDT, tương đương 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), B được chia 1,3 (một phẩy ba) vạn NDT, tương đương 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau đó, B trở về Việt Nam và đến nhà chị N, đưa tiếp cho ông Lương Phò H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), B hưởng lợi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Số tiền đó, B đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Moong Thị B đã phạm tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố Moong Thị B về tội: “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt áp dụng: Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn và nhu cầu tìm kiếm việc làm của bị hại Lương Thị N để rủ rê, lừa gạt đưa chị N sang Trung Quốc và cùng với Lữ Thị Th bán chị N lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rằng hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và xử lý nghiêm, nhưng vì háms lợi nên vẫn thực hiện. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ nghiêm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo lao động, cải tạo trở thành người có ích, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[5] Tổng hợp hình phạt: Bản án số 86/2020/HS-ST ngày 16/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt Moong Thị B 04 năm tù về tội “Mua bán người”, tổng hợp hình phạt 04(bốn) năm tù năm tù về tội “Mua bán trẻ em” tại bản án số 144/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm tù. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt chung của các bản án đối với Moong Thị B. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ khi tạm giữ, tạm giam của bản án trước. Đối với thời gian giảm án của Moong Thị B (nếu có) được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lương Thị N yêu cầu Lữ Thị Th và Moong Thị B phải bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo không đồng ý với mức bồi thường mà bị hại yêu cầu. Xét bị hại đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại, tuy nhiên chưa nêu rõ số tiền 70.000.000 mà mình yêu cầu là bồi thường cho các khoản nào (sức khỏe, tính mạng, hay danh dự, nhân phẩm), tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chỉ có một lời khai duy nhất, quá trình điều tra chị N không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không ai biết. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, bị cáo không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, trong vụ án còn có bị can Lữ Thị Th bỏ trốn đang bị truy nã. Do đó, cần tách phần bồi thường trách nhiệm dân sự để giải quyết trong vụ án dân sự khác khi chị N trở về và có yêu cầu.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng do Moong Thị B thu lợi bất chính từ việc bán Lương Thị N mà có.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Moong Thị B 05 (năm) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù tại Bản án số 86/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/8/2017. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

2. Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tại Moong Thị B.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Moong Thị B phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4.2. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT-Công an Nghệ An;
- Cơ quan THAHS-Công an Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Ng

